TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **296**/2025/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 14 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 187/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Huyên Thị T**, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Làng Nàng, xã Sơn Thủy, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Chu Văn H**, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Làng Nàng, xã Sơn Thủy, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huyên Thị T và anh Chu Văn H. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 16/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thanh, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc nay là Ủy ban nhân dân phường Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ*).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Chu Thị Ngọc A, sinh ngày 30/9/2016 và cháu Chu Ngọc M, sinh ngày 29/7/2019 cho chị Huyên Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Chu Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Chu Ngọc M với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) mỗi tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12 năm 2025 cho tới khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh Chu Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung*: Chị Huyên Thị T và anh Chu Văn H đều xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị Huyên Thị T và anh Chu Văn H đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Huyên Thị T phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000811 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Huyên Thị T số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Chu Văn H phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND phường Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Mai Thị Huệ